

Số: 144/2014/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú,
lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ 12 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính, lệ phí hộ tịch, cư trú và chứng minh nhân dân và Báo cáo thẩm tra số 120/BC-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

I. Lệ phí đăng ký cư trú:

1. Đối tượng nộp:

Người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Các đối tượng không phải nộp lệ phí đăng ký cư trú:

- a) Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.
- b) Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.
- c) Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
- d) Hộ gia đình thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ.
- e) Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban dân tộc.

3. Các trường hợp miễn lệ phí đăng ký cư trú:

Miễn lệ phí đăng ký cư trú khi đăng ký lần đầu và thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các trường hợp sau:

- a) Cấp sổ hộ khẩu.
- b) Cấp sổ tạm trú.

4. Mức thu: Thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Đơn vị tổ chức thu: Cơ quan công an các cấp được giao nhiệm vụ đăng ký, quản lý cư trú theo quy định hiện hành của pháp luật về cư trú.

II. Lệ phí chứng minh nhân dân:

1. Đối tượng nộp: Người được cơ quan công an cấp chứng minh nhân dân.

2. Các đối tượng không thu lệ phí chứng minh nhân dân:

- a) Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ;
- b) Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh;
- c) Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban dân tộc;

3. Các trường hợp miễn lệ phí chứng minh nhân dân:

Miễn lệ phí cấp chứng minh nhân dân khi đăng ký lần đầu, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Mức thu: Thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Đơn vị tổ chức thu: Cơ quan công an các cấp được giao nhiệm vụ cấp và quản lý chứng minh nhân dân.

III. Quản lý và sử dụng tiền thu lệ phí:

1. Đơn vị tổ chức thu lệ phí được trích lại 70% tổng số lệ phí thu được để chi phí cho công tác thu lệ phí, 30% số thu lệ phí còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Việc quản lý và sử dụng tiền thu lệ phí được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014 và bãi bỏ các nội dung liên quan đến mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân quy định tại Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND

ngày 08 tháng 7 năm 2009 và Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Riêng đối với các trường hợp cấp chứng minh nhân dân bằng công nghệ mới thực hiện theo Thông tư số 155/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng minh nhân dân mới.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và thông báo danh sách các xã, thị trấn vùng cao trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang, Khóa XVI - Kỳ họp thứ 12 (chuyên đề) thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII;
- Ban Công tác ĐB – UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội khóa XIII tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND - UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vương Mí Vàng

MỨC THU LỆ PHÍ CƯ TRÚ VÀ CHỨNG MINH NHÂN DÂN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 144 /2014/NQ-HĐNH ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	Nội dung	Mức thu đối với các phường thuộc thành phố Hà Giang	Mức thu đối với các khu vực khác
I	Lệ phí cư trú		
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	15.000 đồng/lần đăng ký	7.000 đồng/lần đăng ký
2	Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	20.000 đồng/lần cấp	10.000 đồng/lần cấp
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	10.000 đồng/lần cấp	5.000 đồng/lần cấp
4	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú).	8.000 đồng/lần đính chính	4.000 đồng/lần đính chính
II	Lệ phí chứng minh nhân dân		
	Cấp lại, cấp đổi (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân)	9.000 đồng/lần cấp	4.000 đồng/lần cấp